

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 215/2024/HS-ST
Ngày: 13 - 8 - 2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Ông Trần Văn Ân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 209/2024/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Trần Phương T** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1996, tại Đồng Nai. Nơi thường trú: Ấp L2, xã Quang Tr, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp Nguyễn Thái H, xã B 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Đ, sinh năm: 1956 và bà Trần Thị L, sinh năm: 1957; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con út; bị cáo có chồng là ông Trương Kim K, sinh năm 1998, có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh ngày 28/7/2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

- **Bị hại:** Ông Trần Bắc S, sinh năm 1950 và bà Thoáng Chinh M, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp Tân V, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

+ Người đại diện theo ủy quyền của ông S và bà M: Bà Lê Thị Lan A, sinh năm 1985 và ông Trần Tổng S1, sinh năm 1985. Cùng địa chỉ: Chung cư An L2, phường P, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 12/8/2024).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Sỳ Nhì M1, sinh năm 1972 và ông Trương Kim K, sinh năm 1998. Cùng địa chỉ: ấp Nguyễn Thái H, xã B 2,

huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Tổng S1.

(*Bị cáo T, bà Lan A, bà M1, ông K có mặt; Ông Bắc S, bà M, ông Tổng S1 vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Trần Phương T sinh năm 1996, hộ khẩu thường trú: Ấp L2, xã Quang Tr, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và vợ chồng ông Trần Bắc S bà Thoáng Chinh M có quen biết nhau từ trước.

Vào khoảng tháng 10/2023 do cần tiền tiêu xài, T biết ông S bà M đang cần làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 70, bản đồ số 05, xã B 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, T đã nói dối ông S bà M là T có thể làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S bà M với giá là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng). Ông S bà M đồng ý, sau đó T nhiều lần đến nhà ông S bà M ở tại ấp Tân V, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nhận tiền. Cụ thể, ngày 04/10/2023 T nhận số tiền là 5.000.000 đồng, ngày 06/10/2023 T nhận số tiền là 5.000.000 đồng, ngày 10/10/2023 T nhận số tiền là 3.000.000 đồng, ngày 13/10/2023 T nhận số tiền là 3.000.000 đồng, ngày 22/10/2023 T nhận số tiền là 2.000.000 đồng của bà M. Ngoài ra, vào ngày 13/10/2023 bà M chuyển số tiền 4.000.000 đồng, ngày 16/10/2023 chuyển số tiền là 7.000.000 đồng vào tài khoản số 159704070011937 Ngân hàng Thương mại cổ phần và phát triển thành phố Hồ Chí Minh chủ tài khoản là bà Sỳ Nhì M1 (là mẹ chồng của T), ngày 17/10/2023 bà M chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản số 1037169867 Ngân hàng Vietcombank chủ tài khoản là chị Trần Thị Mỹ T (là bạn của T). Tổng số tiền T chiếm đoạt của ông S bà M là 31.000.000 đồng.

Sau khi chiếm đoạt tiền của ông S bà M, T cho bà M1 (mẹ chồng của T) số tiền 7.000.000 đồng để mua đồ ăn, cho anh Trương Kim K (là chồng của T) số tiền 5.000.000 đồng để tiêu xài, số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết. Khi cho tiền bà M1 và anh K, T không nói cho bà M1 và anh K biết nguồn gốc số tiền do T phạm tội mà có. Đến ngày 16/10/2023, T vào mạng xã hội Google tải mẫu “biên nhận hồ sơ” sau đó T nhờ một người quen biết trên mạng xã hội zalo có nick zalo tên “Trúc Ly” nhờ đánh máy “biên nhận hồ sơ” sau đó T ra tiệm in tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất in “biên nhận hồ sơ” đưa cho ông Trần Bắc S. Ông S tưởng thật nên đến ngày 26/10/2023 ông S đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Thống Nhất hỏi thì được biết “biên nhận hồ sơ” là giả, ông S đã làm đơn tố cáo T.

Vật chứng thu giữ: 01 biên nhận hồ sơ đề ngày 16/10/2023; 01 chứng từ giao dịch ngày 16/10/2023; 01 chứng từ giao dịch ngày 17/10/2023; 01 bản sao kê tài khoản; 01 giấy biên nhận tiền.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trưng cầu giám định tờ biên nhận hồ sơ đã thu giữ. Tại Bản kết luận giám định số 518/KL-KTHS ngày 28/03/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận: “Chữ ký mang tên Trần Anh T1 trên tài liệu mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Trần Anh T1 trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một người ký ra”.

Ngày 07/4/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Dương Trần Phương T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản để điều tra. Quá trình điều tra T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 biên nhận hồ sơ đề ngày 16/10/2023 là tài liệu liên quan đến việc làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của T, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 01 chứng từ giao dịch ngày 16/10/2023; 01 chứng từ giao dịch ngày 17/10/2023; 01 bản sao kê tài khoản; 01 giấy biên nhận tiền là chứng cứ lưu hồ sơ vụ án.

Về phần dân sự: Ông S và bà M yêu cầu T phải trả số tiền 31.000.000 đồng, hiện T chưa trả tiền cho ông S và bà M. Do vậy, buộc bà Sỷ Nhi M1 phải nộp lại số tiền 7.000.000 đồng, ông Trương Kim K nộp lại số tiền 5.000.000 đồng do T phạm tội mà có để trả cho ông S và bà M. Buộc T phải trả cho ông S và bà M số tiền 19.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 214/CT-VKS-TB ngày 04/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Dương Trần Phương T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Dương Trần Phương T với mức án tù từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Theo hồ sơ vụ án thể hiện, bị hại là ông S và bà M yêu cầu buộc bà Sỷ Nhi M1 phải nộp lại số tiền 7.000.000 đồng, ông Trương Kim K phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng do T phạm tội mà có để trả cho ông S và bà M. Buộc T phải trả cho ông S và bà M số tiền 19.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý thay bà M1 trả lại số tiền 7.000.000 đồng, thay ông K trả lại số tiền 5.000.000 đồng và đồng ý trả lại số tiền 19.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận từ bị hại. Bà Lê Thị Lan A – là người đại diện theo ủy quyền của ông S và bà M đồng ý với trình bày của bị cáo T, đồng thời yêu cầu bị cáo T bồi thường thêm tổn thất về sức khỏe, tổn thất tinh thần cho bị hại với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Bị cáo T trình bày đồng ý trả lại cho bị hại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 31.000.000 đồng và đồng ý bồi thường tổn thất về sức khỏe và tổn thất tinh thần cho bị hại với số

tiền là 30.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các bên, buộc bị cáo T phải trả cho bị hại tổng số tiền là 61.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo Dương Trần Phương T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Dương Trần Phương T không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1.2] Bị hại là ông Trần Bắc S, bà Thoáng Chinh M và **người làm chứng là ông Trần Tổng S1** vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có bà Lê Thị Lan A là người đại diện theo ủy quyền của bị hại có mặt tại phiên tòa, đồng thời bị hại, người làm chứng đã có đầy đủ lời khai tại Cơ quan điều tra nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự để tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có tại hồ sơ và cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố. Từ đó đã có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 04/10/2023 đến ngày 17/10/2023 tại ấp Tân V, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Dương Trần Phương T đã dùng thủ đoạn gian dối trong việc làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Bắc S và bà Thoáng Chinh M để chiếm đoạt số tiền 31.000.000 đồng của ông S và bà M.

[2.1] Hành vi của bị cáo Dương Trần Phương T đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố là có căn cứ.

[2.2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương nên cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với

tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

[5.1] Đối với 01 biên nhận hồ sơ đề ngày 16/10/2023 là tài liệu liên quan đến việc làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của bị cáo T, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất để xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.2] Đối với 01 chứng từ giao dịch ngày 16/10/2023; 01 chứng từ giao dịch ngày 17/10/2023; 01 bản sao kê tài khoản; 01 giấy biên nhận tiền là chứng cứ lưu hồ sơ vụ án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Theo hồ sơ vụ án thể hiện bị hại là ông S và bà M yêu cầu bị cáo T phải trả lại số tiền 19.000.000 đồng, bà M1 phải trả lại số tiền 7.000.000 đồng, ông K phải trả lại số tiền 5.000.000 đồng, hiện nay ông S và bà M chưa nhận lại số tiền trên. Tại phiên tòa, bà Lê Thị Lan A – là người đại diện theo ủy quyền của bị hại thống nhất với trình bày của bị cáo T đồng ý thay bà M1 trả lại cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng, thay ông K trả lại số tiền 5.000.000 đồng và bị cáo T trả lại số tiền 19.000.000 đồng (tổng cộng là 31.000.000 đồng). Ngoài ra, bà Lan A còn yêu cầu bị cáo T bồi thường thêm tổn thất về sức khỏe, tổn thất tinh thần cho bị hại với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Bị cáo T trình bày đồng ý trả lại cho bị hại tổng số tiền đã chiếm đoạt là 31.000.000 đồng và đồng ý bồi thường tổn thất về sức khỏe và tổn thất tinh thần cho bị hại với số tiền là 30.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của các bên, buộc bị cáo Dương Trần Phương T phải trả cho ông Trần Bắc S và bà Thuổng Chinh M tổng số tiền là 61.000.000 đồng.

[7] Về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:

[7.1] Đối với hành vi làm giả tài liệu của Cơ quan, tổ chức của bị cáo Dương Trần Phương T xảy ra tại thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

[7.2] Đối với bà Sỳ Nhì M1 và bà Trần Thị Mỹ T được bị cáo T mượn số tài khoản để nhận tiền và ông Trương Kim K được bị cáo T cho tiền từ việc bị cáo T phạm tội mà có, quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi

phạm tội của bị cáo T nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom không xử lý là có cơ sở.

[7.3] Đối với tài khoản zalo tên “Trúc Ly”, bị cáo T khai không biết nhân thân lai lịch chỉ quen biết qua mạng xã hội nên không có căn cứ xác minh xử lý nên không xem xét.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Dương Trần Phương T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 3.050.000 (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Dương Trần Phương T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Dương Trần Phương T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị áp giải thi hành hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 357, khoản 2 Điều 468 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bị cáo Dương Trần Phương T phải trả lại cho bị hại là ông Trần Bắc S và bà Thoóng Chinh M số tiền là 31.000.000 đồng và bồi thường tổn thất về sức khỏe cho bị hại với số tiền là 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 61.000.000 đồng (sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Dương Trần Phương T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và nộp 3.050.000đ (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền

kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Công an huyện Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Thị Liên